

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
------------------	----------------	----------------------

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Quốc Khánh	Chủ tịch
Ông Phùng Đạt Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Tân	Thành viên
Ông Phạm Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Việt Nam	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Đặng Văn Nam	Trưởng ban	29/3/2019
Ông Đinh Văn Dũng	Thành viên	
Ông Hà Văn Minh	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Đạt Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Công Quý	Phó Tổng Giám đốc	18/6/2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



PHÙNG ĐẠT ĐỨC - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư, được lập ngày 20 tháng 8 năm 2020, từ trang 6 đến trang 52 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.2 và số V.7, tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty chưa tiến hành trích lập đầy đủ các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền 7.121.442.648 VND và dự phòng các khoản phải thu quá hạn, khó đòi với số tiền 2.651.897.895 VND. Nếu Công ty tiến hành trích lập đầy đủ các khoản dự phòng này, thì các chỉ tiêu Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và chỉ tiêu Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 sẽ tăng lên với số tiền tương ứng; và khoản lãi hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 sẽ giảm với tổng số tiền là 9.773.340.543 VND.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số IV.1, tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, khoản lỗ lũy kế của Công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 351.613.372.929 VND, và cũng tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn một khoản là 588.608.808.539 VND. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như việc tái cấu trúc lại các khoản nợ phải trả chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu trong tương lai gần.

Kết luận ngoại trừ của Chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THOM - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Số 9-19 (lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		394.546.378.629	408.286.635.160
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.097.877.237	37.609.412.558
1. Tiền	111	V.1	14.097.877.237	2.609.412.558
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	35.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		88.585.000.000	46.585.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	2.015.000.000	2.015.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(430.000.000)	(430.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	87.000.000.000	45.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.634.618.535	128.310.297.041
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	251.865.203.909	259.053.962.573
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	23.808.668.055	30.331.598.378
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	17.867.277.161	17.855.338.057
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(232.906.530.590)	(178.930.601.967)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	168.284.623.799	142.690.199.367
Hàng tồn kho	141		168.284.623.799	142.690.199.367
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.944.259.058	53.091.726.194
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	55.733.831.788	48.031.098.241
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.073.263.176	780.770.867
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	4.137.164.094	4.279.857.086
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		238.756.346.708	238.914.043.289
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.719.119.990	3.344.875.048
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.6	200.000.000	600.969.334
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.519.119.990	2.743.905.714
II. Tài sản cố định	220		10.429.590.128	8.056.716.950
Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	10.429.590.128	8.056.716.950
Nguyên giá	222		22.374.280.651	18.818.040.630
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.944.690.523)	(10.761.323.680)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	2.993.762.612
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.993.762.612
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2c	219.334.410.000	219.334.410.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		210.040.000.000	210.040.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.053.100.000	8.053.100.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.241.310.000	2.241.310.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.273.226.590	5.184.278.679
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.296.050.798	2.044.201.155
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	3.977.175.792	3.140.077.524
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		633.302.725.337	647.200.678.449

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Số 9-19 (lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		984.916.098.266	1.004.957.584.410
I. Nợ ngắn hạn	310		983.155.187.168	1.003.331.483.700
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	18.884.768.660	24.377.374.133
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	317.494.702.480	221.257.016.148
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	17.537.799.056	3.202.296.876
4. Phải trả người lao động	314		1.882.547.280	2.449.212.770
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	153.199.270.040	166.798.888.515
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	163.727.167.959	191.175.329.977
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	309.962.067.187	373.552.995.775
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	20.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	466.864.506	518.369.506
II. Nợ dài hạn	330		1.760.911.098	1.626.100.710
Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	1.760.911.098	1.626.100.710
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(351.613.372.929)	(357.756.905.961)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	(351.613.372.929)	(357.756.905.961)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.150.690.000	100.150.690.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.150.690.000	100.150.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		81.585.637.916	81.585.637.916
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.012.784.684)	(1.012.784.684)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.399.587.678	22.399.587.678
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	421		(554.736.503.839)	(560.880.036.871)
Lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (lỗ lũy kế)	421a		(560.880.036.871)	(560.864.259.617)
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.143.533.032	(15.777.254)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		633.302.725.337	647.200.678.449

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2020



PHÙNG ĐẠT ĐỨC
Tổng Giám đốc

PHẠM THANH TUẤN
Kế toán trưởng

NGUYỄN PHƯƠNG NAM
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Số 9-19 (lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		120.197.826.900	47.581.188.673
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.750.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	120.192.076.900	47.581.188.673
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.569.190.358	40.664.329.494
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		87.622.886.542	6.916.859.179
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.467.933.557	1.179.105.111
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.464.551.884	9.201.395.944
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.464.551.884</i>	<i>9.276.395.944</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	16.206.620.227	333.220.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	62.285.048.789	974.274.981
10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.134.599.199	(2.412.926.635)
11. Thu nhập khác	31		19.000.000	1.190.269.811
12. Chi phí khác	32		11.573.700	4.147.404.705
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	7.426.300	(2.957.134.894)
14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		6.142.025.499	(5.370.061.529)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	835.590.735	1.316.138.165
16. (Lợi ích)/ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	(837.098.268)	(1.311.507.608)
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.143.533.032	(5.374.692.086)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2020

**PHÙNG ĐẠT ĐỨC**
Tổng Giám đốc

PHẠM THANH TUẤN
Kế toán trưởng

NGUYỄN PHƯƠNG NAM
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Số 9-19 (lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	01		6.142.025.499	(5.370.061.529)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.183.366.843	704.195.095
- Các khoản dự phòng	03		54.110.739.011	(169.003.000)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		3.266.244.852	(537.402.633)
- Chi phí lãi vay	06		6.464.551.884	9.276.395.944
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		71.166.928.089	3.904.123.877
- Giảm/ (tăng) các khoản phải thu	09	VII	1.005.488.604	(34.725.286.142)
- Tăng hàng tồn kho	10		(25.594.424.432)	(41.359.779.810)
- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	65.524.387.668	117.451.930.010
- Tăng chi phí trả trước	12		(6.954.583.190)	(23.649.226.161)
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(69.118.311.611)	(8.456.831.082)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(692.897.743)	(1.237.327.236)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(51.505.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35.285.082.385	11.927.603.456
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(200.503.482)	(2.255.794.470)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	VII	-	631.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(42.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		400.969.334	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(8.040.000.000)
6. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	3.002.916.442	533.750.012
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(38.796.617.706)	(9.130.226.276)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(20.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(23.511.535.321)	2.797.377.180
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		37.609.412.558	610.472.127
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	14.097.877.237	3.407.849.307

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY

CỔ PHẦN

XÂY DỰNG VÀ

KINH DOANH

VẬT TƯ

PHÙNG ĐẠT ĐỨC

Tổng Giám đốc

PHẠM THANH TUẤN

Kế toán trưởng

NGUYỄN PHƯƠNG NAM

Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (tên nước ngoài là Construction and Materials Trading Joint Stock Company, tên viết tắt là Công ty C&T) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001488 ngày 4 tháng 3 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 20 tháng 6 năm 2005, chuẩn y các việc sau:
 - ✓ Bổ sung ngành, nghề kinh doanh: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động, máy vi tính và linh kiện, giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị điện lạnh-điện gia dụng, bếp cảm ứng từ, bao bì PP-PE. Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông. Lắp đặt, sửa chữa máy điều hòa không khí. Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở). Khai thác mỏ;
 - ✓ Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 20.000.000.000 VND lên 36.000.000.000 VND;
 - ✓ Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, từ ông Nguyễn Văn Chiến sang bà Đỗ Thị Ngọc Bình.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 10 năm 2006, chuẩn y các việc sau:
 - ✓ Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 36.000.000.000 VND lên 46.000.000.000 VND;
 - ✓ Bổ sung ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao), lương thực, thực phẩm, đồ uống không cồn, đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, giày dép, túi xách, vải, đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, thiết bị thông gió, thiết bị làm lạnh tàu biển, tàu hỏa, ô tô. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 7 năm 2007, chuẩn y các việc sau:
 - ✓ Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 46.000.000.000 VND lên 80.000.000.000 VND;
 - ✓ Bổ sung ngành, nghề kinh doanh: Khai thác và mua bán đá, sỏi xây dựng. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán).
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13 tháng 11 năm 2007, chuẩn y việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh: Khai thác và mua bán cát xây dựng. Mua bán sắt, thép, phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), đồng, nhôm, hạt nhựa.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 3 năm 2008, chuẩn y việc thông tin về địa điểm kinh doanh như sau:
 - ✓ Cửa hàng Kinh doanh Vật liệu xây dựng Quận 7, địa chỉ tại 237 Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Phú, Quận 7. Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất;
 - ✓ Cửa hàng Kinh doanh Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất, địa chỉ tại 276-278 Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh. Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12 tháng 6 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh: Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (trừ kinh doanh dịch vụ pháp lý).
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 12 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh: Môi giới.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 3 năm 2009, chuẩn y việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa; sản xuất bao bì bằng gỗ; sản xuất bao bì từ plastic (trừ: luyện cán cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở).
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 8 tháng 02 năm 2010, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 80.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 3 năm 2011, chuẩn y các việc sau:
 - ✓ Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 100.150.690.000 VND;
 - ✓ Thông tin về Chi nhánh:
 - + Chi nhánh - Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư - Trung tâm Kinh doanh Bất động sản, địa chỉ tại 4/4 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - + Trung tâm Phân phối số 1, địa chỉ tại 341 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - + Chi nhánh 1 - Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư, địa chỉ tại 12/66 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - + Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư - Kho hàng, địa chỉ tại 20 Đào Duy Anh, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - ✓ Thông tin về Văn phòng đại diện:
 - + Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư tại Miền Trung, địa chỉ tại Lầu 2, 79 Quang Trung, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;
 - + Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư tại Hà Nội, địa chỉ tại Phòng 706, Tòa nhà 115 Lê Duẩn, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 6 năm 2012, chuẩn y cho việc bãi bỏ địa điểm kinh doanh: Cửa hàng Kinh doanh Vật liệu xây dựng Quận 7, địa chỉ tại 237 Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Phú, Quận 7.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 11 tháng 6 năm 2013, chuẩn y cho các việc sau:
 - ✓ Thay đổi số điện thoại, số fax và địa chỉ mail của Công ty;
 - ✓ Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, từ bà Đỗ Thị Ngọc Bình sang bà Nguyễn Thị Thanh Hương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13 tháng 8 năm 2013, chuẩn y cho việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, từ bà Nguyễn Thị Thanh Hương sang ông Phạm Quốc Khánh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 8 tháng 11 năm 2013, chuẩn y việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh: Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28 tháng 7 năm 2008 với mã chứng khoán là CNT.

Cổ phiếu của Công ty hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2014 theo Quyết định số 161/QĐ-SGDHCM của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Vào ngày 27 tháng 02 năm 2015, cổ phiếu của Công ty được chấp thuận giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-SGDHN của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM vào ngày 17 tháng 3 năm 2015 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- **Vốn điều lệ** : 100.150.690.000 VND
 - Số cổ phiếu : 10.015.069 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : 9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-08) 38295488
- Fax : (84-08) 38211096
- Mã số thuế : 0301460120
- Email : cnt@cnt.com.vn và info@cnt.com.vn
- Mã chứng khoán : CNT

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, xây lắp, dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp. Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác. Đầu tư kinh doanh nhà, xe máy, thiết bị, phụ tùng và phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, sản phẩm nhựa, cao su, nông sản

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

phẩm, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi. (không được sản xuất vật liệu xây dựng, nhựa, cao su; chế biến thực phẩm tươi sống trong khu dân cư tập trung ở thành phố Hồ Chí Minh). Bổ sung: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động, máy vi tính và linh kiện, giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị điện lạnh-điện gia dụng, bếp cảm ứng từ, bao bì PP-PE. Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông. Lắp đặt, sửa chữa máy điều hòa không khí. Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở). Khai thác mỏ; Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định. Dịch vụ khai thuế hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao), lương thực, thực phẩm, đồ uống không cồn, đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, giày dép, túi xách, vải, đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, thiết bị thông gió, thiết bị làm lạnh tàu biển, tàu hỏa, ô tô. Môi giới bất động sản. Sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở); khai thác và mua bán đá, sỏi xây dựng. Kinh doanh bất động sản. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Lập dự án đầu tư, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); Khai thác và mua bán cát xây dựng. Mua bán sắt, thép, phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), đồng, nhôm, hạt nhựa; Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (trừ kinh doanh dịch vụ pháp lý); Môi giới; Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa; sản xuất bao bì bằng gỗ; sản xuất bao bì từ plastic (trừ: luyện cán cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở); Buôn bán nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác (tư vấn về môi trường, tư vấn về công nghệ khác, tư vấn chuyển giao công nghệ vận hành nhà máy ngành dầu khí).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 2 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ, các chi nhánh và các đơn vị trực thuộc. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Kinh Doanh Đá Trà Đuốc	Tổ 5, ấp Rẫy Mới, xã Bình Trị, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang	100,00%	100,00%	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Công ty TNHH MTV Đầu tư - Thương mại C N T Kiên Giang	Số 373 Nguyễn Văn Tổ, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	100,00%	100,00%	Kinh doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT	49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	Số 49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	45,67%	45,67%	Kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	38E Trần Cao Vân, phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	33,33%	33,33%	Xây dựng công trình dân dụng

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được phân loại lại (xem chi tiết tại Thuyết minh số VIII.4).

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 169 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 144 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 thuộc kỳ kế toán năm thứ 18 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, khoản lỗ lũy kế của Công ty đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 351.613.372.929 VND, và cũng tại ngày này, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn một khoản là 588.608.808.539 VND. Theo đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tạo ra nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như việc tái cấu trúc lại các khoản nợ phải trả chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu trong tương lai gần.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, chứng khoán kinh doanh, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện chứng khoán kinh doanh, các khoản cho vay, đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh phản ánh các khoản chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh phải được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị đầu tư. Khi cổ tức được nhận bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Mọi trường hợp hoán đổi cổ phiếu đều phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động (bình quân theo từng lần mua).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng trường hợp, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Thu nhập lãi tiền cho vay được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị khoản cho vay.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm phải thu về bán vật liệu xây dựng, phải thu thi công công trình xây dựng công trình, phải thu về cung cấp dịch vụ và phải thu về chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền cho vay, phải thu tiền chuyển nhượng dự án đầu tư, phải thu các khoản chi hộ, tạm ứng nhân viên, các khoản ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 10
Máy móc thiết bị	2 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện quyền khai thác và chi phí thuê mướn đất Trà Đuốc và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, phải trả các khoản thu hộ, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ và các khoản phải trả khác.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chi phí bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng cho bảo hành được lập cho từng loại công trình xây dựng có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính từ 1% đến 2% trên doanh thu các công trình xây dựng có yêu cầu bảo hành.

Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường được Công ty trích theo Quyết định số 139/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang ngày 18 tháng 01 năm 2012 về việc phê duyệt dự án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác chế biến đá xây dựng mỏ đá núi Trà Đốc Lớn tại xã Bình Trị, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chỉ tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán riêng đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

do nhà thầu tự xác định vào ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

15. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng..).

16. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

17. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý..

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh ngoại trừ được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

21. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	406.745.059	290.168.025
Tiền gửi ngân hàng	13.691.132.178	2.319.244.533
Các khoản tương đương tiền	-	35.000.000.000
Cộng	14.097.877.237	37.609.412.558

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư mua cổ phiếu				
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư LP.A	1.000.000.000	570.000.000	1.000.000.000	570.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	1.015.000.000	1.015.000.000	1.015.000.000	-
Cộng	2.015.000.000	1.585.000.000	2.015.000.000	1.585.000.000

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Đối với các chứng khoán khác không có đủ thông tin trên thị trường, giá trị hợp lý của chứng khoán này là giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	87.000.000.000	87.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
Cộng	87.000.000.000	87.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000

Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 6,1%-7,0%/năm (năm 2019: 8,0%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

c) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	210.040.000.000	-	212.405.206.784	210.040.000.000	-	211.316.629.285
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Kinh Doanh Đá Trà Đức	2.000.000.000	-	2.402.058.899	2.000.000.000	-	2.035.676.375
Công ty TNHH MTV Đầu tư - Thương mại C N T Kiên Giang	200.000.000.000	-	200.868.724.347	200.000.000.000	-	201.255.171.171
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT	8.040.000.000	-	9.134.423.538	8.040.000.000	-	8.025.781.739
Đầu tư vào công ty liên kết	8.053.100.000	(1.000.000.000)	-	8.053.100.000	(1.000.000.000)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	7.053.100.000	-	-	7.053.100.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.241.310.000	-	2.488.810.432	2.241.310.000	-	2.593.074.278
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	853.210.000	-	752.443.370	853.210.000	-	853.210.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biên Tây	1.388.100.000	-	1.736.367.062	1.388.100.000	-	1.739.864.278
Cộng	220.334.410.000	(1.000.000.000)	214.741.671.170	220.334.410.000	(1.000.000.000)	213.719.994.516

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư mua cổ phiếu dài hạn này được xác định theo phương pháp giá trị tài sản thuần căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không có đủ thông tin trên thị trường, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này là giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
			Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá gốc
Công ty TNHH MTV Sản Xuất Kinh Doanh Đá Trà Đuốc	Tổ 5, ấp Rẫy Mới, xã Bình Trị, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	100,00%	2.000.000.000	100,00%	2.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư - Thương mại C N T Kiên Giang	Số 373 Nguyễn Văn Tố, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng	100,00%	200.000.000.000	100,00%	200.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT	49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	51,00%	8.040.000.000	51,00%	8.040.000.000
Cộng				210.040.000.000		210.040.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
			Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá gốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	Số 49 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vật liệu xây dựng	45,67%	7.053.100.000	45,67%	7.053.100.000
Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam	Số 30 đường Hoa Lan, phường 2, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình dân dụng	33,33%	1.000.000.000	33,33%	1.000.000.000
Cộng				8.053.100.000		8.053.100.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ
 9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
			Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Giá gốc
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phước Hòa	Ấp Phước Lộc, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Khai thác cảng biển, kinh doanh vật liệu xây dựng	2,05%	853.210.000	2,05%	853.210.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biên Tây	49 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vật tư xây dựng, khai thác khoáng sản	10,00%	1.388.100.000	10,00%	1.388.100.000
Cộng				2.241.310.000		2.241.310.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty chưa tiến hành trích lập đầy đủ các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn với số tiền 7.121.442.648 VND. Nếu Công ty tiến hành trích lập đầy đủ các khoản dự phòng này, thì các chỉ tiêu Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và khoản lỗ hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 sẽ tăng lên với số tiền tương ứng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	218.044.309.016	219.173.063.476
Phải thu hoạt động cung cấp dịch vụ	22.229.252.851	24.946.283.796
Phải thu hoạt động xây dựng	11.591.642.042	14.934.615.301
Cộng	251.865.203.909	259.053.962.573

Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan

Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	910.237.912	4.788.445.486
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	2.756.140.173	2.756.140.173
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT	366.089.204	193.502.133
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kinh doanh Đá Trà Đuốc	8.415.462.457	9.652.702.456
Cộng	12.447.929.746	17.390.790.248

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Trả trước cho hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	8.505.624.727	8.562.410.701
Trả trước cho hoạt động kinh doanh bất động sản	2.409.915.650	2.409.915.650
Trả trước cho hoạt động xây dựng	12.893.127.678	19.359.272.027
Cộng	23.808.668.055	30.331.598.378

Trả trước cho người bán là các bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	4.000.000.000	4.000.000.000

5. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	17.867.277.161	(3.624.724.264)	17.855.338.057	(3.624.724.264)
Lãi tiền cho vay phải thu	1.666.612.097	(679.319.976)	1.403.283.687	(679.319.976)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	8.047.767.710	-	8.047.767.710	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây (*)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Tạm ứng nhân viên	5.651.336.841	(2.090.183.699)	5.951.246.402	(2.090.183.699)
Các khoản phải thu khác (*)	1.518.497.241	(855.220.589)	1.453.040.258	(855.220.589)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu đối tượng có liên quan (*)</i>	295.868.940	-	295.868.940	-
b) Dài hạn	3.519.119.990	-	2.743.905.714	-
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	3.519.119.990	-	2.743.905.714	-
Cộng	21.386.397.151	(3.624.724.264)	20.599.243.771	(3.624.724.264)
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (*)	1.295.868.940	-	1.295.868.940	-

6. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Phía Nam (*)	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thục	-	-	400.969.334	-
Cộng	200.000.000	-	600.969.334	-
Phải thu về cho vay dài hạn là bên liên quan (*)	200.000.000	-	200.000.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	226.763.187.780	-	177.642.924.443	2.337.046.740
Phải thu hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	203.892.440.782	-	163.083.712.062	2.337.046.740
Phải thu hoạt động cung cấp dịch vụ	21.818.318.921	-	14.559.212.381	-
Phải thu hoạt động kinh doanh bất động sản	305.957.400	-	-	-
Phải thu hoạt động xây dựng	746.470.677	-	-	-
Tạm ứng nhân viên	2.090.183.699	-	2.090.183.699	-
Tạm ứng cho hoạt động xây dựng	2.090.183.699	-	2.090.183.699	-
Tạm ứng cho hoạt động khác	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.534.540.565	-	1.534.540.565	-
Lãi cho vay phải thu (Công ty Cổ phần Bé tông và Xây dựng Thăng Long)	679.319.976	-	679.319.976	-
Các đối tượng khác	855.220.589	-	855.220.589	-
Trả trước cho người bán	2.518.618.546	-	-	-
Trả trước cho hoạt động cung cấp dịch vụ	2.518.618.546	-	-	-
Cộng	232.906.530.590	-	181.267.648.707	2.337.046.740
				(175.305.877.703)
				(160.746.665.322)
				(14.559.212.381)
				-
				-
				(2.090.183.699)
				(2.090.183.699)
				-
				(1.534.540.565)
				(679.319.976)
				(855.220.589)
				-
				-
				(175.305.877.703)

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công xây dựng, cung cấp dịch vụ,... tạm ứng nhân viên và các khoản phải thu khác,... đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.

- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty chưa tiến hành trích lập đầy đủ dự phòng các khoản phải thu quá hạn, khó đòi với số tiền 2.651.897.895 VND. Nếu Công ty tiến hành trích lập đầy đủ các khoản dự phòng này, thì chỉ tiêu Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và khoản lỗ hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 sẽ tăng lên với số tiền tương ứng.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	82.848.848	-	104.931.070	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	143.456.601.961	-	117.838.077.127	-
<i>Dự án Khu đô thị mới Thị xã Hà Tiên</i>	<i>115.238.306.034</i>	<i>-</i>	<i>95.150.956.963</i>	<i>-</i>
<i>Khu tiện ích - Lotteria và Coffee</i>	<i>28.218.295.927</i>	<i>-</i>	<i>22.687.120.164</i>	<i>-</i>
Hàng hóa	24.745.172.990	-	24.747.191.170	-
<i>Hàng hóa</i>	<i>827.677.290</i>	<i>-</i>	<i>829.695.470</i>	<i>-</i>
<i>Hàng hóa bất động sản (*)</i>	<i>23.917.495.700</i>	<i>-</i>	<i>23.917.495.700</i>	<i>-</i>
Cộng	168.284.623.799	-	142.690.199.367	-
(*) Chi tiết:				
Hàng hóa bất động sản Củ Chi	6.130.274.700	-	6.130.274.700	-
Hàng hóa bất động sản Long An	11.692.800.000	-	11.692.800.000	-
Hàng hóa bất động sản Vũng tàu	6.094.421.000	-	6.094.421.000	-
Cộng	23.917.495.700	-	23.917.495.700	-

(*) Hàng hóa bất động sản thể hiện giá trị các lô đất mà Công ty đã mua tại huyện Củ Chi thành Phố Hồ Chí Minh, tại Long An và tại huyện Tân Thành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu từ năm 2009 với số tiền lần lượt là 6.130.274.700 VND, 11.692.800.000 VND và 6.094.421.000 VND.

9. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	55.733.831.788	48.031.098.241
Chi phí bán hàng Dự án Đất Hà Tiên	51.206.300.426	47.510.060.615
Chi phí khác	4.527.531.362	521.037.626
b) Dài hạn	1.296.050.798	2.044.201.155
Quyền khai thác mỏ đá Trà Đước	792.800.210	1.243.695.458
Chi phí khác	800.505.697	503.250.588
Cộng	57.029.882.586	50.075.299.396

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	7.973.231.504	3.792.949.897	6.624.929.620	426.929.609	18.818.040.630
Tăng trong kỳ	3.058.175.185	478.973.927	19.090.909	-	3.556.240.021
Mua mới trong kỳ	64.000.000	478.973.927	-	-	542.973.927
Đầu tư XD CB hoàn thành	2.994.175.185	-	19.090.909	-	3.013.266.094
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	11.031.406.689	4.271.923.824	6.644.020.529	426.929.609	22.374.280.651
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	6.406.560.060	798.459.865	3.135.735.765	420.567.990	10.761.323.680
Tăng trong kỳ	353.091.938	315.520.290	508.392.996	6.361.619	1.183.366.843
Khấu hao trong kỳ	353.091.938	315.520.290	508.392.996	6.361.619	1.183.366.843
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	6.759.651.998	1.113.980.155	3.644.128.761	426.929.609	11.944.690.523
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.566.671.444	2.994.490.032	3.489.193.855	6.361.619	8.056.716.950
Số cuối kỳ	4.271.754.691	3.157.943.669	2.999.891.768	-	10.429.590.128
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:					
Số đầu năm	5.904.626.883	717.991.140	1.582.260.941	388.759.609	8.593.638.573
Số cuối kỳ	6.079.139.214	717.991.140	1.582.260.941	426.929.609	8.806.320.904

11. Thuế thu nhập hoãn lại

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	Số tiền tạm thu hoạt động kinh doanh bất động sản	Cộng
Số đầu năm trước	366.451.941	1.612.575.519	1.979.027.460
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trước	(15.777.254)	1.176.827.318	1.161.050.064
Số cuối năm trước	350.674.687	2.789.402.837	3.140.077.524
Số đầu năm	350.674.687	2.789.402.837	3.140.077.524
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.507.533	835.590.735	837.098.268
Số cuối kỳ	352.182.220	3.624.993.572	3.977.175.792

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại với số tiền 375.689.894.039 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 431.863.708.462 VND) vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Ghi chú
2020	52.873.290.763	52.873.290.763	Lỗ tính thuế năm 2015
2021	214.165.208.209	214.165.208.209	Lỗ tính thuế năm 2016
2022	81.711.106.599	137.884.921.022	Lỗ tính thuế năm 2017
2023	3.497.699.378	3.497.699.378	Lỗ tính thuế năm 2018
2024	23.442.589.090	23.442.589.090	Lỗ tính thuế năm 2019
Cộng	375.689.894.039	431.863.708.462	

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng	7.613.566.958	7.613.566.958	9.821.300.534	9.821.300.534
Phải trả hoạt động kinh doanh bất động sản	1.397.888.000	1.397.888.000	1.397.888.000	1.397.888.000
Phải trả hoạt động xây dựng	9.873.313.702	9.873.313.702	13.158.185.599	13.158.185.599
Cộng	18.884.768.660	18.884.768.660	24.377.374.133	24.377.374.133

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	612.526.000	612.526.000	612.526.000	612.526.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây	479.814.060	479.814.060	2.541.083.890	2.541.083.890
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kinh doanh Đá Trà Đức	76.026.500	76.026.500	176.184.001	176.184.001
Cộng	1.168.366.560	1.168.366.560	3.329.793.891	3.329.793.891

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng	118.702.513.193	133.470.513.193
Hoạt động cung cấp dịch vụ	20.000.000	21.549.277
Hoạt động kinh doanh bất động sản	198.772.189.287	87.764.953.678
Cộng	317.494.702.480	221.257.016.148
Người mua trả tiền trước ngắn hạn là bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Đầu tư - Thương mại C N T		
Kiên Giang	<u>118.235.000.000</u>	<u>133.000.000.000</u>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	2.588.518.455	15.681.508.505	1.680.575.030	16.589.451.930
Thuế xuất, nhập khẩu	(779.770.694)	-	-	(779.770.694)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.500.086.392)	835.590.735	692.897.743	(3.357.393.400)
Thuế thu nhập cá nhân	456.053.711	2.511.335.696	2.462.361.696	505.027.711
Thuế tài nguyên	104.761.800	1.815.323.400	1.625.629.500	294.455.700
Các loại thuế khác	52.962.910	1.032.299.621	936.398.816	148.863.715
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Tiền thuê đất	-	101.979.091	101.979.091	-
Phí bảo vệ môi trường	52.962.910	924.320.530	828.419.725	148.863.715
Cộng	(1.077.560.210)	21.876.057.957	7.397.862.785	13.400.634.962

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán riêng:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	4.279.857.086	4.137.164.094
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>3.202.296.876</u>	<u>17.537.799.056</u>

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí dự án Hà Tiên	153.199.270.040	166.671.615.787
Chi phí phải trả khác	-	127.272.728
Cộng	153.199.270.040	166.798.888.515

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thu tiền theo tiến độ dự án đất nền Hà Tiên	163.295.167.959	190.743.329.977
Thu tiền theo tiến độ hợp đồng dự án đất Rạch Giá	432.000.000	432.000.000
Cộng	163.727.167.959	191.175.329.977

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**17. Phải trả khác ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Nguyễn Mạnh Hiếu (*)	304.315.970.727	366.969.730.454
Phải trả thuế nhập khẩu Tổng Công ty lắp máy Việt Nam	2.091.442.684	2.091.442.684
Phải trả ngắn hạn khác	3.554.653.776	4.491.822.637
Cộng	309.962.067.187	373.552.995.775

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ.ĐHCD ngày 30 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ của ông Nguyễn Mạnh Hiếu. Theo đó, giá trị nợ được hoán đổi là 300.000.000.000 VND, tỷ lệ hoán đổi là 10.000:1.

18. Dự phòng phải trả dài hạn

Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường	1.760.911.098	1.626.100.710
Cộng	1.760.911.098	1.626.100.710

Đây là chi phí cải tạo môi trường theo Quyết định số 139/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang ngày 18 tháng 01 năm 2012 về việc phê duyệt dự án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác chế biến đá xây dựng mỏ đá núi Trà Đước Lớn tại xã Bình Trị, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi trong năm/kỳ	Số cuối năm/kỳ
Năm trước				
Quỹ khen thưởng	32.640.305	-	-	32.640.305
Quỹ phúc lợi	498.129.201	-	(12.400.000)	485.729.201
Cộng	530.769.506	-	(12.400.000)	518.369.506
Kỳ này				
Quỹ khen thưởng	32.640.305	-	-	32.640.305
Quỹ phúc lợi	485.729.201	-	(51.505.000)	434.224.201
Cộng	518.369.506	-	(51.505.000)	466.864.506

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình biến động của vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển
Số đầu năm trước	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.012.784.684)	22.399.587.678
Lỗi năm trước	-	-	-	-
Số cuối năm trước	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.012.784.684)	22.399.587.678
Số đầu năm	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.012.784.684)	22.399.587.678
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	100.150.690.000	81.585.637.916	(1.012.784.684)	22.399.587.678

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số cuối kỳ			C
	Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	-	-	-	3.
Ông Nguyễn Hải Trường	3.756.150	37,50	37.561.500.000	
Ông Phạm Quốc Khánh	663.184	6,62	6.631.840.000	
Ông Trần Công Quý	2.430.000	24,26	24.300.000.000	2.
Bà Phạm Thị Thúy Vân	157.590	1,57	1.575.900.000	
Cổ đông khác	3.008.145	30,04	30.081.450.000	3.
Cộng	10.015.069	100,00	100.150.690.000	10.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.015.069	10.015.069
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	10.015.069	10.015.069
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.015.069</i>	<i>10.015.069</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	100.000	100.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.915.069	9.915.069
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.915.069</i>	<i>9.915.069</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng**a. Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	283.250.000	283.250.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	994.625.000	937.000.000
Sau 5 năm	2.756.291.667	2.955.541.667
Cộng	4.034.166.667	4.175.791.667

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Thuê mặt bằng chợ đêm dự án Khu đô thị mới, tại khu phố 2, phường Pháo Đài, Thành phố Hà Tiên của Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Hà Tiên theo Hợp đồng thuê số 06/HĐ-TCKH ngày 31 tháng 10 năm 2019, tổng diện tích khu đất 1.594m², thời hạn thuê 20 năm là từ ngày 01 tháng 11 năm 2019 đến 01/11/2039. Đơn giá thuê bao gồm thuế GTGT là 199.250.000 VND/năm.
- Hợp đồng thuê nhà làm kho Công ty tại 19/1 Huỳnh Tấn Phát, ấp 4, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 đến ngày 31 tháng 8 năm 2022, đơn giá thuê là 7.000.000 VND/tháng.

b. Ngoại tệ

	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	939,18	945,78

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>120.197.826.900</i>	<i>47.581.188.673</i>
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	13.543.850.169	47.431.188.673
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.000.000	150.000.000
Doanh thu kinh doanh bất động sản	106.503.976.731	-
<i>Giảm trừ doanh thu</i>	<i>5.750.000</i>	-
Giảm giá hàng bán	5.750.000	-
Doanh thu thuần	120.192.076.900	47.581.188.673
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kinh doanh Đá Trà Đuốc	-	30.601.505.280
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại C N T Kiên Giang	150.000.000	150.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT Cộng	1.244.103.261	-
Cộng	1.394.103.261	30.751.505.280

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán vật liệu xây dựng	6.156.971.051	40.560.246.519
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	104.082.975
Giá vốn kinh doanh bất động sản	26.412.219.307	-
Cộng	32.569.190.358	40.664.329.494

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	2.909.244.852	533.750.012
Cổ tức, lợi nhuận được chia	357.000.000	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	379.527.307
Doanh thu tài chính khác	201.688.705	265.827.792
Cộng	3.467.933.557	1.179.105.111

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay	6.464.551.884	9.276.395.944
(Hoàn nhập)/ Dự phòng đầu tư tài chính	-	(75.000.000)
Cộng	6.464.551.884	9.201.395.944

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	569.674.160	188.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.636.946.067	144.720.000
Cộng	16.206.620.227	333.220.000

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	5.211.486.593	80.212.165
Chi phí khấu hao	119.151.382	120.134.023
Thuế, phí và lệ phí	18.980.954	-
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	53.975.928.623	(94.003.000)
Chi phí bằng tiền khác	2.959.501.237	867.931.793
Cộng	62.285.048.789	974.274.981

7. Lợi nhuận (lỗ) khác

Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.652.621
Thu tiền phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng	-	90.000.000
Thu nhập khác	19.000.000	1.096.617.190
Thu nhập khác	19.000.000	1.190.269.811
Trả tiền phạt thuế, vi phạm hành chính	11.573.700	331.043.204
Xử lý công nợ	-	3.816.361.501
Chi phí khác	11.573.700	4.147.404.705
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác	7.426.300	(2.957.134.894)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	6.142.025.499	(5.370.061.529)
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(341.218.639)	(23.152.781)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	143.054.088	2.172.345.746
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(484.272.727)	(2.195.498.527)
Tổng thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	5.800.806.860	(5.393.214.310)
<u>Trong đó:</u>		
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	56.173.814.423	-
Thu nhập (lỗ) tính thuế từ các hoạt động kinh doanh thông thường	(50.373.007.563)	(5.393.214.310)
Trừ: chuyển lỗ	(56.173.814.423)	-
Thu nhập tính thuế sau chuyển lỗ	(50.373.007.563)	(5.393.214.310)
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Cộng: Thuế tạm nộp 1% trên số tiền thu bất động sản	835.590.735	1.316.138.165
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	835.590.735	1.316.138.165

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Đối với các dự án kinh doanh bất động sản chưa hoàn thành, Công ty tạm trích thuế thu nhập doanh nghiệp trên 1% số tiền tạm thu được theo quy định.

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	414.383.196	104.082.975
Chi phí nhân viên	10.618.535.261	2.925.729.533
Chi phí khấu hao	1.173.388.219	660.195.097
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.795.076.408	57.619.618.547
Chi phí bằng tiền khác	61.460.153.580	6.365.326.350
Cộng	135.461.536.664	67.674.952.502

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Mua sắm tài sản chưa thanh toán	361.973.927	-
Chi phí lãi vay phải trả	6.464.551.884	9.276.395.944

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

Lãi tiền gửi dự thu năm trước đã thu trong kỳ này	546.907.206	-
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã thanh toán trong kỳ này	69.118.311.611	75.792.231

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan*****Giao dịch với các bên liên quan***

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần
 Công ty TNHH MTV Sản xuất Kinh doanh Đá Trà
 Đuốc
 Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại C N T
 Kiên Giang
 Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT
 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích
 Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp
 Phía Nam
 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây
 Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phước Hòa

Mối quan hệ

Cổ đông
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên quan
 Công ty liên quan

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**Bên liên quan**

Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Phước Hòa

Mối quan hệ

Bên liên quan khác

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kinh doanh Đá Trà Đuốc		
Bán vật liệu xây dựng	-	30.601.505.280
Dịch vụ sạt, bán đất đá	-	5.346.284.448
Dịch vụ cần đá	916.829.999	-
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT		
Bán vật liệu xây dựng	1.244.103.261	-
Mua cổ phần	-	8.640.000.000
Cổ tức được chia	357.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại C N T Kiên Giang		
Mua vật liệu xây dựng	-	6.625.881.703
Cho thuê xe	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương Mại Biển Tây		
Bán vật liệu xây dựng	6.497.568.000	-
Gia công khai thác đá	-	10.088.158.833
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần		
Phải thu tiền thi công xây dựng	910.237.912	4.788.445.486
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kinh doanh Đá Trà Đuốc		
Phải thu tiền bán vật liệu xây dựng	8.415.462.457	9.652.702.456
Phải trả người bán ngắn hạn	76.026.500	176.184.001
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn TMT		
Phải thu tiền cho thuê tài sản	366.089.204	193.502.133
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại C N T Kiên Giang		
Người mua trả tiền trước	118.235.000.000	133.000.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích		
Phải thu tiền bán vật liệu xây dựng	2.756.140.173	2.756.140.173
Phải trả tiền mua vật liệu xây dựng	<u>612.526.000</u>	<u>612.526.000</u>
 Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Phía Nam		
Phải thu về cho vay ngắn hạn	<u>200.000.000</u>	<u>200.000.000</u>
 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây		
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	479.814.060	2.541.083.890
Phải thu khách hàng	<u>511.975.200</u>	<u>475.747.800</u>
 Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Phước Hòa		
Phải thu khác	<u>41.868.940</u>	<u>41.868.940</u>
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ như sau:		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lương	624.000.000	606.000.000
Phụ cấp, thưởng	<u>14.500.000</u>	<u>24.000.000</u>
Cộng	<u>624.000.000</u>	<u>606.000.000</u>

2. Báo cáo theo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất, Bộ phận kinh doanh, Bộ phận xây dựng và Bộ phận dịch vụ. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 4 bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh vật liệu xây dựng: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất.
- Bộ phận dịch vụ: Cho thuê các thiết bị xây dựng; cho thuê mỏ đá,..
- Bộ phận kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bán đất tại Khu Đô thị mới Hà Tiên, phường Pháo Đài, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang; tại huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An.
- Bộ phận xây dựng: Xây dựng các công trình dân dụng theo hợp đồng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối kỳ	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động xây dựng	Không phân bổ	Cộng
Tài sản						
Tài sản bộ phận	25.140.152.681	410.933.930	222.769.116.153	32.077.705.472	-	280.397.908.236
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	352.904.817.101	352.904.817.101
Tổng tài sản	25.140.152.681	410.933.930	222.769.116.153	32.077.705.472	352.904.817.101	633.302.725.337
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	128.076.991.249	20.000.000	515.465.804.997	9.873.313.702	-	653.436.109.948
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	331.479.988.318	331.479.988.318
Tổng nợ phải trả	128.076.991.249	20.000.000	515.465.804.997	9.873.313.702	331.479.988.318	984.916.098.266
Số đầu năm						
Tài sản						
Tài sản bộ phận	69.582.874.470	10.387.071.415	198.715.871.964	40.260.420.579	-	318.946.238.428
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	328.254.440.021	328.254.440.021
Tổng tài sản	69.582.874.470	10.387.071.415	198.715.871.964	40.260.420.579	328.254.440.021	647.200.678.449
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	144.917.914.437	21.549.277	448.414.263.401	13.158.185.599	-	606.511.912.714
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	398.445.671.696	398.445.671.696
Tổng nợ phải trả	144.917.914.437	21.549.277	448.414.263.401	13.158.185.599	398.445.671.696	1.004.957.584.410

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động xây dựng	Không phân bổ	Cộng
Doanh thu thuần bộ phận	13.538.100.169	150.000.000	106.503.976.731	-	-	120.192.076.900
Giá vốn bộ phận	6.156.971.051	-	26.412.219.307	-	-	32.569.190.358
Lợi nhuận gộp bộ phận	7.381.129.118	150.000.000	80.091.757.424	-	-	87.622.886.542
Chi phí bán hàng phân bổ	1.825.468.481	20.225.901	14.360.925.845	-	-	16.206.620.227
Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ	7.015.614.101	77.731.890	55.191.702.798	-	-	62.285.048.789
Lợi nhuận (lỗ) gộp từ hoạt động kinh doanh	(1.459.953.464)	52.042.209	10.539.128.781	-	-	9.131.217.526
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	3.467.933.557	3.467.933.557
Chi phí tài chính	-	-	-	-	6.464.551.884	6.464.551.884
Thu nhập khác	-	-	-	-	19.000.000	19.000.000
Chi phí khác	-	-	-	-	11.573.700	11.573.700
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	(1.459.953.464)	52.042.209	10.539.128.781	-	(2.989.192.027)	6.142.025.499
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	835.590.735	-	-	835.590.735
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập thuế hoãn lại	(1.507.533)	-	(835.590.735)	-	-	(837.098.268)
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	(1.458.445.931)	52.042.209	10.539.128.781	-	(2.989.192.027)	6.143.533.032

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ
 9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Dịch vụ	Kinh doanh bất động sản	Hoạt động xây dựng	Không phân bổ	Cộng
Kỳ trước						
Doanh thu thuần bộ phận	47.431.188.673	150.000.000	-	-	-	47.581.188.673
Giá vốn bộ phận	40.560.246.519	104.082.975	-	-	-	40.664.329.494
Lợi nhuận gộp bộ phận	6.870.942.154	45.917.025	-	-	-	6.916.859.179
Chi phí bán hàng phân bổ	332.169.522	1.050.478	-	-	-	333.220.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ	971.203.573	3.071.408	-	-	-	974.274.981
Lợi nhuận (lỗ) gộp từ hoạt động kinh doanh	5.567.569.059	41.795.139	-	-	-	5.609.364.198
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	1.179.105.111	1.179.105.111
Chi phí tài chính	-	-	-	-	9.201.395.944	9.201.395.944
Thu nhập khác	-	-	-	-	1.190.269.811	1.190.269.811
Chi phí khác	-	-	-	-	4.147.404.705	4.147.404.705
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	5.567.569.059	41.795.139	-	-	(10.979.425.727)	(5.370.061.529)
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	1.316.138.165	-	-	1.316.138.165
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập thuế hoãn lại	-	-	(1.316.138.165)	-	4.630.557	(1.311.507.608)
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	5.567.569.059	41.795.139	-	-	(10.984.056.284)	(5.374.692.086)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.19, trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản vay	-	20.000.000.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(14.097.877.237)	(37.609.412.558)
Nợ thuần	(14.097.877.237)	(17.609.412.558)
Vốn chủ sở hữu	(351.613.372.929)	(357.756.905.961)
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	4%	5%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền	14.097.877.237	14.097.877.237	37.609.412.558	37.609.412.558
Chứng khoán kinh doanh	2.015.000.000	1.585.000.000	2.015.000.000	1.585.000.000
Phải thu của khách hàng	25.102.016.129	25.102.016.129	83.748.084.870	83.748.084.870
Phải thu cho vay	200.000.000	200.000.000	600.969.334	600.969.334
Phải thu khác	14.649.756.295	14.649.756.295	13.558.348.998	13.558.348.998
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.241.310.000	2.336.464.386	2.241.310.000	2.403.365.231
Cộng	58.305.959.661	57.971.114.047	139.773.125.760	139.505.180.991
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	18.884.768.660	18.884.768.660	24.377.374.133	24.377.374.133
Chi phí phải trả	153.199.270.040	153.199.270.040	166.798.888.515	166.798.888.515
Phải trả khác	308.369.540.781	308.369.540.781	371.924.036.906	371.924.036.906
Các khoản vay	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	480.453.579.481	480.453.579.481	583.100.299.554	583.100.299.554

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.2a và số V.2c.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay ngắn hạn và dài hạn chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng là 3.324.814.197 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.445.495.287 VND).

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá cả bất động sản

Hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty chủ yếu là đầu tư các dự án đất tại Khu Đô thị mới thị xã Hà Tiên tỉnh Kiên Giang (dự án do Công ty làm chủ đầu tư); tại huyện Củ Chi thành Phố Hồ Chí Minh, tại Long An và tại huyện Tân Thành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: các quyền sử dụng đất do

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty sang nhượng lại, nên phụ thuộc nhiều vào thị trường bất động sản. Trong kỳ, tình hình kinh doanh bất động sản tuy đã hoạt động sôi động và nhu cầu của nhà đầu tư tăng trở lại, tuy nhiên hiện tại thị trường có nhiều dự án bất động sản, nhà đầu tư đã thận trọng hơn trong việc lựa chọn, thẩm định các dự án,... do đó một số dự án bất động sản của Công ty vẫn còn tồn tại ngày kết thúc kỳ kế toán với tổng giá trị 180.846.443.408 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 141.755.572.827 VND), trong đó dự án đất nền tại Khu Đô thị mới thị xã Hà Tiên tỉnh Kiên Giang với giá trị 156.928.947.708 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 117.838.077.127 VND).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, phải thu về cho vay và các khoản phải thu khác).

Phải thu khách hàng

Đặc trưng hoạt động kinh doanh của Công ty liên quan đến lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng, thi công các công trình xây dựng kéo dài, thu hồi vốn chậm, tại ngày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty có rủi ro đáng kể đối với công nợ phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán, khó đòi, tuy nhiên Công ty chưa xem xét trích lập đầy đủ dự phòng đối với các khoản phải thu này (xem Thuyết minh số V.7).

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Phải thu về cho vay, phải thu khác

Các khoản phải thu về cho vay bao gồm các khoản Công ty cho công ty liên kết, công ty có liên quan vay tiền và các khoản khác chủ yếu là các khoản phải thu liên quan chuyển nhượng cổ phần, chuyển nhượng dự án bất động sản,... Công ty đánh giá các khoản phải thu này đều không bị suy giảm giá trị, và có khả năng thu hồi.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản tài chính				
Tiền	14.097.877.237	-	-	14.097.877.237
Chứng khoán kinh doanh	2.015.000.000	-	-	2.015.000.000
Phải thu của khách hàng	25.102.016.129	-	-	25.102.016.129
Phải thu về cho vay	-	200.000.000	-	200.000.000
Phải thu khác	11.130.636.305	3.519.119.990	-	14.649.756.295
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	2.241.310.000	2.241.310.000
Cộng	52.345.529.671	3.719.119.990	2.241.310.000	58.305.959.661
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	18.884.768.660	-	-	18.884.768.660
Chi phí phải trả	153.199.270.040	-	-	153.199.270.040
Phải trả khác	308.369.540.781	-	-	308.369.540.781
Cộng	480.453.579.481	-	-	480.453.579.481
Chênh lệch thanh khoản thuần	(428.108.049.810)	3.719.119.990	2.241.310.000	(422.147.619.820)
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền	37.609.412.558	-	-	37.609.412.558
Chứng khoán kinh doanh	2.015.000.000	-	-	2.015.000.000
Phải thu của khách hàng	83.748.084.870	-	-	83.748.084.870
Phải thu về cho vay	-	600.969.334	-	600.969.334
Phải thu khác	10.814.443.284	2.743.905.714	-	13.558.348.998
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	2.241.310.000	2.241.310.000
Cộng	134.186.940.712	3.344.875.048	2.241.310.000	139.773.125.760
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	24.377.374.133	-	-	24.377.374.133
Chi phí phải trả	166.798.888.515	-	-	166.798.888.515
Phải trả khác	371.924.036.906	-	-	371.924.036.906
Các khoản vay	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Cộng	583.100.299.554	-	-	583.100.299.554
Chênh lệch thanh khoản thuần	(448.913.358.842)	3.344.875.048	2.241.310.000	(443.327.173.794)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Hiện tại, Công ty tiếp tục hoạt động phụ thuộc vào khả năng tạo ra nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Trình bày lại số liệu

Một số số liệu của Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

	Số đầu năm (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (Được trình bày lại)
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
Trả trước cho người bán ngắn hạn	30.325.655.006	5.943.372	30.331.598.378
Chi phí trả trước ngắn hạn	49.584.190.562	(1.553.092.321)	48.031.098.241
TÀI SẢN DÀI HẠN			
Chi phí trả trước dài hạn	491.108.834	1.553.092.321	2.044.201.155
NỢ PHẢI TRẢ			
Phải trả người bán ngắn hạn	24.371.430.761	5.943.372	24.377.374.133

Báo cáo kết quả kinh doanh

	Kỳ trước (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Kỳ trước (Được trình bày lại)
Thu nhập khác	1.818.435.372	(628.165.561)	1.190.269.811
Chi phí khác	4.775.570.266	(628.165.561)	4.147.404.705

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020

Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ theo Tờ trình số 05/TT-HHĐQT ngày 18 tháng 6 năm 2020 và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ.ĐHCD ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2020 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2020



PHÙNG ĐẠT ĐỨC
Tổng Giám đốc

PHẠM THANH TUẤN
Kế toán trưởng

NGUYỄN PHƯƠNG NAM
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ